

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Địa chỉ: Quốc lộ 24, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Địa chỉ: Quốc lộ 24, xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy là Công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 28/06/2010 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chuyển đổi Công ty Đầu tư phát triển Lâm nông công nghiệp và Dịch vụ Kon Rẫy thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 6100186422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 05 tháng 05 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 09 năm 2015.

2. Ban lãnh đạo công ty

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2016 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Đắc Thanh	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
Ông Võ Hồng Huy	Phó Giám đốc
Ông Quách Văn Chính	Kiểm soát viên Bỏ nhiệm ngày 01/12/2016
Ông Đào Ngọc Lành	Kiểm soát viên Miễn nhiệm ngày 01/12/2016
Ông Trần Văn Hữu	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại: Quốc lộ 24, xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

4. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, các hoạt động chính của Công ty bao gồm: trồng rừng và chăm sóc rừng, quản lý bảo vệ rừng, cung cấp dịch vụ môi trường rừng, khai thác gỗ tận dụng.

5. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang số 06 đến trang số 24.

Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được phân phối theo quy định tại điều 31, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

6. Các sự kiện bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Địa chỉ: Quốc lộ 24, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

8. Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Hồ Đắc Thanh

Giám đốc

Kon Tum, ngày 17 tháng 03 năm 2017

SỐ: 36 /2017/VACA/BCKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Minh Ân - Phó Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1313-2013-110-1*

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Bùi Ngô Liên - Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1006-2013-110-1*

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VNĐ)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.690.492.148	21.163.600.975
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	10.874.348.257	12.641.996.501
1. Tiền	111		6.874.348.257	1.770.694.340
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	10.871.302.161
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		882.276.844	917.257.298
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	7.445.518	11.187.615
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	658.238.309	700.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	216.593.017	206.069.683
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	7.905.778.774	7.515.731.980
1. Hàng tồn kho	141		7.905.778.774	7.515.731.980
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.088.273	88.615.196
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	60.986.839
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	28.088.273	27.628.357
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.942.352.544	5.096.773.450
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.129.602.083	1.562.333.745
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	2.129.602.083	1.562.333.745
- Nguyên giá	222		3.405.867.822	2.571.601.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.276.265.739)	(1.009.267.531)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.237.572.102	3.318.138.721
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	9.237.572.102	3.318.138.721
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		575.178.359	216.300.984
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	575.178.359	216.300.984
TỔNG TÀI SẢN	270		31.632.844.692	26.260.374.425

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VNĐ)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.460.614.340	4.554.125.457
I. Nợ ngắn hạn	310		6.328.189.449	4.421.700.566
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	1.037.491.254	552.121.926
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	254.196.420	517.013.528
4. Phải trả người lao động	314		1.046.366.113	759.156.922
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	2.402.066.028	1.154.564.357
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.12	401.274.743	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.186.794.891	1.438.843.833
II. Nợ dài hạn	330		132.424.891	132.424.891
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		132.424.891	132.424.891
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.172.230.352	21.706.248.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	13.428.596.466	13.428.596.466
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.559.123.100	12.559.123.100
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		869.473.366	869.473.366
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		11.743.633.886	8.277.652.502
1. Nguồn kinh phí	431	V.14	10.711.280.515	7.156.444.255
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.15	1.032.353.371	1.121.208.247
TỔNG NGUỒN VỐN	440		31.632.844.692	26.260.374.425

Kon Tum, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc




Trần Văn Hữu

Hồ Đắc Thanh

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VNĐ)

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	13.884.284.930	3.585.568.280
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(13.724.775.637)	(5.536.523.902)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.437.497.474)	(3.980.667.509)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(434.378.077)	(487.498.471)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.786.496.181	8.880.767.835
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.484.294.925)	(2.604.739.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.410.165.002)	(143.093.542)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(834.266.546)	(1.083.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	476.783.304	493.419.327
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(357.483.242)	(590.080.673)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.767.648.244)	(733.174.215)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.641.996.501	13.375.170.716
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.874.348.257	12.641.996.501

Kon Tum, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc




Trần Văn Hữu

Hò Đắc Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy là Công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 28/06/2010 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chuyển đổi Công ty Đầu tư phát triển Lâm nông công nghiệp và Dịch vụ Kon Rẫy thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 6100186422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 05 tháng 05 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính công ty tại: Quốc lộ 24, xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.
Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 10.950.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

Chủ sở hữu: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Lĩnh vực hoạt động

Lĩnh vực hoạt động của Công ty là: Lâm nghiệp.

Ngành nghề hoạt động

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, hoạt động chính của Công ty bao gồm: trồng rừng và chăm sóc rừng, quản lý bảo vệ rừng, cung cấp dịch vụ môi trường rừng, khai thác gỗ tận dụng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và không có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán, các thông tin này bảo đảm tính so sánh được.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục và được áp dụng các chính sách kế toán sau đây:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn mà thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bao gồm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua (T+0) và được xác định giá trị theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Khi lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là ngắn hạn, trên 12 tháng được phân loại là dài hạn. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cũng được phân loại tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ*Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác, liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	07 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm: chi phí trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng thay thế. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí SXKD theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí tại ngày lập báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả.

Nợ phải trả được kế toán theo giá trị ghi nhận ban đầu. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi: doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại, do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ và được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Khi lập dự phòng phải trả, doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định tại điều 31, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Số lợi nhuận dùng để phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính.

Khi phân phối lợi nhuận Công ty loại trừ các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa trong năm tài chính 2016 của Công ty bao gồm: doanh thu bán gỗ, củi khai thác tận dụng trên diện tích xây dựng thủy điện Thượng Kon Tum và doanh thu bán nhựa thông rừng trồng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng khi đã hoàn thành giao hàng theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

Doanh thu dịch vụ

Doanh thu dịch vụ trong năm tài chính của Công ty bao gồm: doanh thu tiền cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đã hoàn thành cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT, đối với doanh thu từ tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng Công ty ghi nhận theo số tiền thực tế thu được và không phát hành hóa đơn.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng; khi một khoản doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận, nhưng chưa tập hợp đầy đủ hồ sơ làm căn cứ để ghi nhận giá vốn, kế toán căn cứ vào tính toán ban đầu, dự toán được phê duyệt để trích trước chi phí vào giá vốn trong kỳ.

Ghi nhận giá vốn bảo đảm nguyên tắc thận trọng, giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, sau khi trừ đi các khoản bồi thường, (nếu có) kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các chi phí phục vụ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đầy đủ và đúng kỳ. Các chi phí phát sinh nhưng chưa nghiệm thu, chưa có đủ hồ sơ, chi phí bảo hành sản hàng hóa, bảo hành công trình đã tiêu thụ trong kỳ, đã ghi nhận doanh thu, được công ty trích trước vào chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi các khoản chi phí trích trước được nghiệm thu hoặc có đủ hồ sơ, nếu số phát sinh thực tế nhỏ hơn số đã trích vào chi phí; hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**V.01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	225.158.641	75.659.249
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.649.189.616	1.695.035.091
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	10.871.302.161
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	4.000.000.000	6.371.302.161
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	-	4.500.000.000
Cộng	10.874.348.257	12.641.996.501

V.02. Phải thu khách hàng

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	7.445.518	-	11.187.615	-
- Ban quản lý 135 huyện Kon Rẫy (Đập Kon Du)	7.035.000	-	7.035.000	-
- BQLDA 5 triệu ha rừng công ty	401.615	-	401.615	-
- Công ty TNHH MTV Hoa Lộc Kon Tum	8.903	-	-	-
- TT Đắc Rve huyện Kon Rẫy	-	-	3.751.000	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-	-	-

V.03. Trả trước cho người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	658.238.309	-	700.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Bảo Linh Kon Rẫy	499.999.609	-	700.000.000	-
- Công ty CP Hải Hưng	61.597.500	-	-	-
- Hộ nhận khoán quản lý bảo vệ rừng	96.641.200	-	-	-
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-

V.04. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	216.593.017	-	206.069.683	-
- Tạm ứng	161.299.250	-	82.222.779	-
- Lãi tiền gửi ước tính	-	-	53.239.285	-
- Lương KSV đã chuyển cho Sở Tài chính	55.064.468	-	70.378.320	-
- Thuế và các khoản phải thu khác	229.299	-	229.299	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	216.593.017	-	206.069.683	-

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

V.05. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	14.544.690	-	14.544.690	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.891.234.084	-	7.501.187.290	-
<i>Trong đó:</i>				
* Chi phí thiết kế, tia thưa, nuôi dưỡng thông	101.520.000	-	101.520.000	-
* Rừng trồng các năm	7.182.729.563	-	7.182.729.563	-
* Chi phí thiết kế khai thác gỗ tận dụng Thượng Kon Tum	606.984.521	-	216.937.727	-
Tổng	7.905.778.774	-	7.515.731.980	-

V.06. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	575.178.359	216.300.984
- Chi phí làm nhà kho để nhựa thông khai thác	35.219.777	-
- Chi phí gia công, lắp dựng nhà xe công ty	20.066.733	-
- Chi phí thiết kế khai thác trích dưỡng nhựa thông	491.984.880	-
- Chi phí sửa chữa trụ sở nhà làm việc	-	160.487.045
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	27.906.969	55.813.939
Cộng	575.178.359	216.300.984

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RÁY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

V.07. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

(Đơn vị tính: VNĐ)

Năm 2016	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	1.501.668.461	165.132.815	836.300.000	68.500.000	2.571.601.276
Mua trong năm	-	-	834.266.546	-	834.266.546
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	1.501.668.461	165.132.815	1.670.566.546	68.500.000	3.405.867.822
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	380.460.214	70.771.206	544.550.000	13.486.111	1.009.267.531
Khấu hao trong năm	88.854.876	16.850.287	142.459.712	18.833.333	266.998.208
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	469.315.090	87.621.493	687.009.712	32.319.444	1.276.265.739
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	1.121.208.247	94.361.609	291.750.000	55.013.889	1.562.333.745
Tại ngày 31/12	1.032.353.371	77.511.322	983.556.834	36.180.556	2.129.602.083

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

V.08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản				
- Rừng trồng thay thế	9.237.572.102	9.237.572.102	3.318.138.721	3.318.138.721
Cộng	9.237.572.102	9.237.572.102	3.318.138.721	3.318.138.721

V.09. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.037.491.254	1.037.491.254	552.121.926	552.121.926
Công ty TNHH Khánh Dương	365.683.817	365.683.817	-	-
Công ty TNHH Anh Quyên Kon Tum	204.898.000	204.898.000	-	-
Đoàn Quốc Sơn (Gia công, lắp dựng)	13.750.000	13.750.000	-	-
Công ty TNHH một thành viên Yên Vy	439.996.437	439.996.437	342.316.426	342.316.426
Vật liệu xây dựng Hòa Danh	13.163.000	13.163.000	-	-
Các đối tượng khác	-	-	209.805.500	209.805.500
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.037.491.254	1.037.491.254	552.121.926	552.121.926

V.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	-	38.950.666	-	38.950.666
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	188.685.633	218.604.171	407.289.804	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	9.201.081	7.130.956	2.070.125
- Thuế tài nguyên	-	432.477.816	325.620.978	106.856.838
- Thuế BVMT và các thuế khác	-	404.045.212	297.726.421	106.318.791
- Phải nộp NSNN lợi nhuận còn lại sau khi phân phối theo điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP	328.327.895	283.382.670	611.710.565	-
+ Lợi nhuận còn lại năm 2014	193.749.849	-	193.749.849	-
+ Lợi nhuận còn lại năm 2015	134.578.046	283.382.670	417.960.716	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	17.540.000	17.540.000	-
Cộng	517.013.528	1.404.201.616	1.667.018.724	254.196.420
b) Phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	27.088.273	27.088.273
- Thuế thu nhập cá nhân	26.628.357	26.628.357	-	-
- Thuế BVMT và các thuế khác	1.000.000	-	-	1.000.000
Cộng	27.628.357	26.628.357	27.088.273	28.088.273

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

V.11. Phải trả khác

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngắn hạn		
Tạm ứng	4.359.543	-
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn:	1.200.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Phúc Ngọc Linh</i>	<i>500.000.000</i>	
<i>Công ty TNHH MTV Hoa Lộc Kon Tum</i>	<i>700.000.000</i>	
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	1.197.706.485	1.154.564.357
<i>BQLDA thủy điện Vĩnh Sơn sông Hinh</i>	-	<i>300.000.000</i>
<i>Nguồn vốn dự án FLICH</i>	<i>825.720.000</i>	<i>825.720.000</i>
<i>Thu nhập ròng từ khai thác gỗ thượng Kon Tum</i>	<i>356.772.767</i>	-
<i>Các khoản khác</i>	<i>15.213.718</i>	<i>28.844.357</i>
Cộng	<u>2.402.066.028</u>	<u>1.154.564.357</u>
b) Dài hạn		
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

V.12. Dự phòng phải trả

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng quỹ tiền lương	401.274.743	-
Cộng	<u>401.274.743</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

V.13. Vốn chủ sở hữu**a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum	12.559.123.100	12.559.123.100
Cộng	<u>12.559.123.100</u>	<u>12.559.123.100</u>

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.559.123.100	12.559.123.100
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	12.559.123.100	12.559.123.100

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẮY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ B 09-DN****c) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***(Đơn vị tính: VND)*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Tại ngày 01/01/2015	12.559.123.100	549.547.626	259.200.000	-	570.000.000	13.937.870.726
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.066.419.132	-	1.066.419.132
Tăng do phân phối lợi nhuận	-	319.925.740	-	-	-	319.925.740
Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.066.419.132)	-	(1.066.419.132)
Giảm khác	-	-	(259.200.000)	-	(570.000.000)	(829.200.000)
Tại ngày 31/12/2015	12.559.123.100	869.473.366	-	-	-	13.428.596.466
Tại ngày 01/01/2016	12.559.123.100	869.473.366	-	-	-	13.428.596.466
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	872.167.558	-	872.167.558
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Tăng do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(872.167.558)	-	(872.167.558)
Tại ngày 31/12/2016	12.559.123.100	869.473.366	-	-	-	13.428.596.466

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

V.14. Nguồn kinh phí

	Năm 2016	Năm 2015
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	7.156.444.255	4.674.823.930
- Nguồn tiền DV MTR 2011-2012	2.688.653.717	4.674.823.930
- Nguồn tiền trồng rừng thay thế	4.467.790.538	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	4.518.134.271	4.481.790.538
- Nguồn tiền DV MTR 2011-2012	-	14.000.000
- Nguồn tiền trồng rừng thay thế	4.518.134.271	4.467.790.538
Chi trong năm	(963.298.011)	(2.000.170.213)
Chi từ nguồn tiền DV MTR 2011-2012	(963.298.011)	(2.000.170.213)
- Chi phí chăm sóc rừng trồng sản xuất năm thứ 3	(655.048.011)	-
- Chi phí thuê xe làm đường PCCR rừng, tuần tra lửa	(308.250.000)	-
- CP XD Nhà làm việc LT Măng Đen, trạm ĐăkPne	-	(1.045.457.710)
- Các khoản chi khác từ nguồn DV MTR 2011-2012	-	(954.712.503)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm, gồm có:	10.711.280.515	7.156.444.255
- Nguồn tiền DV MTR 2011-2012	1.725.355.706	2.688.653.717
- Nguồn tiền trồng rừng thay thế	8.985.924.809	4.467.790.538

V.15. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

	Năm 2016	Năm 2015
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ đầu năm	1.121.208.247	141.082.614
Nguồn KP đã hình thành TSCĐ tăng trong năm	-	1.045.457.710
Nguồn KP đã hình thành TSCĐ giảm trong năm	88.854.876	65.332.077
<i>Hao mòn TSCĐ từ nguồn sự nghiệp (*)</i>	<i>88.854.876</i>	<i>65.332.077</i>
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ cuối năm	1.032.353.371	1.121.208.247

(*) Công ty đang theo dõi nguồn hình thành và trích hao mòn các TSCĐ được đầu tư bằng nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng 2011-2012 trên TK 466 – Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ, gồm: Nhà làm việc lâm trường Măng Đen kết hợp trạm ĐăkPne, nguyên giá 1.045.457.710 đồng; Chòi canh lửa Đăk Kôi, nguyên giá: 141.082.614 đồng. Tổng hao mòn trong năm 2016 của các tài sản trên là 88.854.876 đồng.

V.16. Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1. Nợ khó đòi đã xử lý		49.165.490	49.165.490

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**VI.01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Doanh thu bán sắt nguyên liệu	-	6.389.091
Doanh thu bán gỗ, củi tận dụng	2.204.090.910	-
Doanh thu bán nhựa thông rừng trồng	1.529.249.100	-
Doanh thu từ dịch vụ môi trường rừng	10.480.533.573	5.521.800.895
Cộng	<u>14.213.873.583</u>	<u>5.528.189.986</u>

VI.02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Giá vốn bán sắt nguyên liệu	-	6.389.091
Giá vốn khai thác gỗ, củi tận dụng	1.748.646.975	-
Giá vốn khai thác, trích nhựa thông rừng trồng	1.409.329.795	-
Giá vốn hoạt động quản lý, bảo vệ rừng	7.594.091.581	-
Cộng	<u>10.752.068.351</u>	<u>6.389.091</u>

VI.03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	423.544.019	546.658.612
Cộng	<u>423.544.019</u>	<u>546.658.612</u>

VI.04. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Chi phí nhân viên	1.245.926.168	3.905.623.775
Chi phí vật liệu quản lý	63.817.781	105.095.529
Chi phí công cụ dụng cụ	252.679.118	242.851.928
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.683.620	119.123.389
Thuế phí, lệ phí	9.479.912	11.028.865
Chi phí dự phòng	401.274.743	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.854.431	31.409.358
Chi phí bằng tiền khác	835.280.625	885.197.730
Cộng	<u>2.851.996.398</u>	<u>5.300.330.574</u>

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON RẪY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

VI.05. Thu nhập khác

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Thu tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng	50.061.000	
Tiền phạt vi phạm quy chế thu được	-	16.520.000
Tiền BHXH hỗ trợ cho NLĐ là dân tộc thiểu số	9.607.000	-
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	-	491.151.360
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp	-	54.181.818
Thu hồi trả thừa hộ nhận khoán năm 2014	-	1.286.804
Cộng	<u>59.668.000</u>	<u>563.139.982</u>

VI.06. Chi phí khác

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Các khoản bị phạt, chậm nộp thuế	2.174.124	-
Các khoản khác	75.000	-
Cộng	<u>2.249.124</u>	<u>-</u>

VI.07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.090.771.729	1.331.268.915
Lỗi các năm trước còn được chuyển lỗ khi tính thuế TNDN	-	-
Điều chỉnh tăng/giảm thu nhập tính thuế	2.249.124	(7.020.000)
* Thu phạt vi phạm quy chế Công ty đã tính thuế năm 2014	-	(7.020.000)
* Chi phí không đủ điều kiện khấu trừ khi tính thuế TNDN	2.249.124	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.093.020.853	1.324.248.915
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	218.604.171	264.849.783

VI.08. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.817.781	105.095.529
Chi phí nhân công	4.842.475.317	3.905.623.775
Chi phí công cụ, dụng cụ	252.679.118	242.851.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178.143.332	119.123.389
Thuế phí, lệ phí	836.584.154	11.028.865
Chi phí dự phòng	401.274.743	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.986.266.811	31.409.358
Chi phí khác bằng tiền	972.214.427	891.586.821
Tổng	<u>10.533.455.683</u>	<u>5.306.719.665</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2016, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán đến ngày phát hành báo cáo này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội.

Kon Tum, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Văn Hữu

Hồ Đắc Thanh